

TRẮC NGHIỆM SỨC KHỎE SINH SẢN VỊ THÀNH NIÊN

1. Vị thành niên là thời kỳ

chuyển tiếp từ..... thành

TRẺ EM

NGƯỜI LỚN

2. Tuổi vị thành niên có sự phát triển bột phát về:

- A. Thể chất.
- B. Tinh thần
- C. Tình cảm
- D. Về xã hội

3. Sự thay đổi và phát triển ở tuổi vị thành niên phụ thuộc vào:

- A. Phong tục tập quán.
- B. Trình độ văn hoá
- C. Dân tộc, từng nơi
- D. Bố mẹ, di truyền

4. Tuổi vị thành niên có những đặc trưng sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Thay đổi về sinh lý.
- B. Thay đổi về thể chất.
- C. Thay đổi về nhân cách.
- D. Thích làm dáng.

5. Sức khoẻ sinh sản tuổi vị thành niên đang là vấn đề lớn cho cả thế giới vì có đặc điểm sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Sự phát triển về thể chất, tinh thần ở thời kỳ chuyển tiếp.
- B. Sự phát triển thể chất, tinh thần chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố.
- C. Hướng cho sự phát triển của vị thành niên tốt hơn
- D. Cần phải đáp ứng nhu cầu cho lớp trẻ

6. Tuổi vị thành niên sớm được tính từ:

- A. 8 – 9 tuổi.
- B. 10 – 13 tuổi.
- C. 13 – 14 tuổi.
- D. 15 – 16 tuổi.

7. Tuổi vị thành niên muộn tính từ:

- A. 16 – 17 tuổi.
- B. 18 – 19 tuổi.
- C. 20 – 21 tuổi.
- D. > 21 tuổi.

8. Nữ vị thành niên dậy thì là lúc biểu hiện:

- A. Có kinh nguyệt.
- B. Độ tuổi 9 – 11.
- C. Phát triển về thể chất.
- D. Phát triển trí tuệ.

9. Sự phát triển thể chất ở nữ vị thành niên được đánh giá bằng các yếu tố sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Sự phát triển của vú.
- B. Phát triển chiều cao, cân nặng.
- C. Thay đổi giọng nói.
- D. Được nhiều bạn quan tâm.

10. Các bộ phận của cơ quan sinh dục nữ thay đổi ở tuổi vị thành niên là:

- A. Âm hộ.
- B. Âm đạo
- C. Tử cung
- D. Buồng trứng

11. Bộ phận của cơ quan sinh dục nam thay đổi ở tuổi vị thành niên là:

- A. Tinh hoàn.
- B. Da bìu
- C. Dương vật

12. Gọi là dậy thì ở vị thành niên nam khi thấy các dấu hiệu sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Giọng nói trầm hơn.
- B. Hệ thống lông mu, lông nách phát triển.
- C. Cơ quan sinh dục phát triển.
- D. Vị thành niên có cân nặng 40 Kg.

13. Dấu hiệu có giá trị nhất để đánh giá sự thay đổi sinh lý vị thành niên nữ là:

- A. Noãn trưởng thành.
- B. Có rụng trứng.
- C. Nang noãn tiết estrogen.
- D. Có kinh nguyệt.

14. Dấu hiệu có giá trị nhất để đánh giá sự thay đổi sinh lý vị thành niên nam là:

- A. Tinh trùng trưởng thành.
- B. Tinh hoàn tiết nội tiết.
- C. Có hiện tượng cường dương, xuất tinh.
- D. Cơ thể béo nhanh

15. Đặc điểm về tâm lý tuổi vị thành niên là:

- A. Tính độc lập
- B. Nhân cách
- C. Tình cảm
- D. Tính thích hợp và trí tuệ

16. Nguyên nhân dẫn tới nguy cơ sức khỏe vị thành niên là, NGOẠI TRỪ:

- A. Cơ thể chưa phát triển hoàn chỉnh.
- B. Hiểu biết chưa đầy đủ về sức khỏe sinh sản vị thành niên
- C. Thiếu cung cấp dịch vụ tránh thai.
- D. Thiếu kiến thức văn hoá

17. Nguy cơ dễ mắc phải ở vị thành niên là:

- A. Các bệnh lây truyền qua đường tình dục
- B. Rối loạn kinh nguyệt
- C. Có thai

18. Nguyên nhân lớn nhất gây mắc bệnh lây truyền qua đường tình dục ở vị thành niên là:

- A. Ít dùng bao cao su.
- B. Do có những cuộc tình ngẫu hứng.
- C. Tỷ lệ nhiễm HIV dưới 20 tuổi cao.
- D. Giao hợp với nhiều đối tượng.

19. Gọi là kinh nguyệt bình thường khi có những đặc điểm sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Tuổi có kinh từ 11 – đến 15.
- B. Vòng kinh trung bình 28 – 30 ngày.
- C. Thời gian có kinh 3 – 7 ngày.
- D. Lượng máu kinh thay 6 lần/ngày.

20. Kinh nguyệt được gọi là rối loạn khi có các biểu hiện sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Vô kinh nguyên phát quá 19 tuổi.
- B. Vô kinh thứ phát
- C. Số ngày có kinh 3 – 5 ngày
- D. Vòng kinh > 35 ngày

21. Kinh nguyệt được gọi là không bình thường khi có triệu chứng:

- A. Chu kỳ 26 ngày
- B. Lượng máu kinh. 60ml trong cả kỳ kinh
- C. Thời gian có kinh 9 ngày
- D. Chu kỳ kinh 32 ngày

22. Chẩn đoán có thai ở vị thành niên những dấu hiệu sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Có quan hệ tình dục
- B. Chậm kinh
- C. Nghén
- D. Dấu hiệu đau bụng

23. Triệu chứng có giá trị nhất để chẩn đoán có thai ở vị thành niên là:

- A. Có chậm kinh
- B. Có nghén
- C. Khám thấy tử cung to, mềm
- D. Có quan hệ tình dục

24. Mất kinh 3 tháng ở vị thành niên phải nghĩ tới trường hợp sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Rối loạn kinh nguyệt
- B. Vô kinh
- C. Có thai
- D. Bệnh máu

- 25. Việc làm cần thiết nhất của thầy thuốc trước khi hút thai cho vị thành niên là:**
- A. Giải thích đủ để vị thành niên yên tâm
 - B. Cần phải nói với mọi người khác hỗ trợ vị thành niên quyết định
 - C. Chuyển vị thành niên ứng xử chậm. đến cơ sở y tế cao hơn
 - D. Nhờ bạn gái khuyên nhủ
- 26. Câu hỏi có giá trị nhất giúp chẩn đoán tuổi thai ở vị thành niên là:**
- A. Bạn mất kinh bao lâu?
 - B. Bạn chậm kinh mấy ngày?
 - C. Ngày bắt đầu có kinh của kỳ kinh cuối là ngày nào?
 - D. Bạn có nghén không?
- 27. Để khám một vị thành niên cần phải chú ý những điểm sau, NGOẠI TRỪ :**
- A. Tạo không khí thoải mái, đồng cảm
 - B. Tế nhị tránh xúc phạm
 - C. Lắng nghe vị thành niên trình bày vướng mắc
 - D. Giải thích bằng mọi cách để đạt mục đích
- 28. Khi thăm khám vị thành niên nhất thiết phải làm những việc sau, NGOẠI TRỪ:**
- A. Hỏi kỹ lịch sử bệnh
 - B. Khám toàn thân và các cơ quan
 - C. Khám vú và khám bụng
 - D. Thăm âm đạo cho tất cả mọi trường hợp
- 29. Chỉ được thăm khám âm đạo vị thành niên khi :**
- A. Nghi có thai
 - B. Cần đánh giá mật độ, thể tích tử cung
 - C. Khi khám ngoài và hỏi bệnh không đủ để chẩn đoán
 - D. Khi khám với lý do vị thành niên đề nghị khám
- 30. Nói chuyện với khách hàng trong khi thăm khám phải nhằm đạt được những điểm quan trọng sau, NGOẠI TRỪ:**
- A. Chọn mục đích sinh sản của mình
 - B. Sử dụng biện pháp kế hoạch hoá gia đình lâu hơn và thành công hơn
 - C. Cảm thấy hài lòng về những dịch vụ mà chị nhận
 - D. Hợp tác nhiều mặt
- 31. Trong khi nói chuyện với người phụ nữ, sẽ tốt hơn khi:**
- A. Sử dụng phối hợp giao tiếp không lời hỗ trợ như gật đầu, mỉm cười
 - B. Hướng dẫn bằng lời
 - C. Đảm bảo là chồng của chị ta cũng có mặt ở đó
 - D. Thiết lập mối quan hệ ngay từ đầu

32. Nói chuyện với khách hàng trong khi khám để giúp chị ta những điều sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Có kiến thức về các biện pháp kế hoạch hoá gia đình
- B. Chọn biện pháp tránh thai phù hợp
- C. Cảm thấy hài lòng về những dịch vụ mà chị nhận
- D. Để đạt được chỉ tiêu của thầy thuốc

33. Trong khi nói chuyện với người phụ nữ, sẽ tốt hơn khi:

- A. Sử dụng phối hợp giao tiếp không lời hỗ trợ như gật đầu, mỉm cười
- B. Hướng dẫn bằng lời
- C. Đảm bảo là chồng của chị ta cũng có mặt ở đó
- D. Thiết lập mối quan hệ người cung cấp dịch vụ và khách hàng ngay từ đầu

34. Mục đích tư vấn cho vị thành niên mang thai là để đạt được những yêu cầu sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Giúp vị thành niên ra quyết định tiếp tục hay chấm dứt thai nghén
- B. Đảm bảo đủ thời gian trao đổi thông tin giảm bớt mọi lo lắng của vị thành niên
- C. Tìm hiểu thái độ của vị thành niên về việc mang thai
- D. Để vị thành niên rút kinh nghiệm

35. Vị thành niên 17 tuổi đến bác sĩ trình bày: Hơn một tháng nay vị thành niên không có kinh nguyệt. Em vẫn khoẻ mạnh và ăn uống bình thường, trước đó có quan hệ tình dục không an toàn một lần. Em đến khám vì không hiểu mình bị làm sao. Hướng chẩn đoán đúng là:

- A. Có thai
- B. Thai ngoài tử cung
- C. Rối loạn kinh nguyệt
- D. Khối u tử cung

36. Chẩn đoán thai nghén ở VTN dựa vào triệu chứng sau, NGOẠI TRỪ;

- A. Có quan hệ tình dục không an toàn
- B. Vú tím
- C. Nghén
- D. Đau tức bụng

37. Nghi ngờ có thai ở vị thành niên khi phát hiện được các triệu chứng sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Mệt mỏi, ăn uống khác thường
- B. Quầng vú tím.
- C. Mất kinh
- D. Sờ nắn qua thành bụng tìm thể tích tử cung

38. Để xác định dấu hiệu nghén cần hỏi các câu sau, NGOẠI TRỪ:

- A. Vị thành niên có nghén không?
- B. Vị thành niên thấy có biểu hiện gì khác thường không?
- C. Biểu hiện khác thường có từ bao giờ?
- D. Chồng chị có nghén không ?

39. Nguyên nhân gây nguy cơ sức khỏe sinh sản vị thành niên là:

- A. Cơ thể chưa phát triển hoàn chỉnh
- B..... (Hiểu biết về sinh lý thụ thai chưa đầy đủ)
- C.....(Xấu hổ, lúng túng khi giải quyết có thai)
- D.....(Thiếu kiến thức về các biện pháp tránh thai)

40. Vị thành niên có thể áp dụng các biện pháp tránh thai sau, NGOẠI TRỪ :

- A. Bao cao su tránh thai
- B. Thuốc tránh thai khẩn cấp
- C. Thuốc uống tránh thai
- D. Xuất tinh ngoài âm đạo

41. Dấu hiệu nào sau đây thường xuất hiện sớm nhất đánh dấu tuổi dậy thì?

- a.Phát triển lông mu, lông nách
- b.Phát triển tuyến vú
- c.Nổi mụn trứng cá
- d.Chảy máu kinh

42.Trên lâm sàng, các dấu hiệu của tuổi dậy thì thường bắt đầu xuất hiện vào khoảng thời gian nào?

- a.8-10 tuổi
- b.10-12 tuổi
- c.12-14 tuổi
- d.14-16 tuổi

43. Chọn một câu đúng về định nghĩa của tuổi dậy thì :

- a. Xuất hiện dấu hiệu sinh dục phụ.
- b. Thấy kinh nguyệt lần đầu.
- c. Giai đoạn chuyển tiếp từ trẻ em sang trưởng thành có khả năng sinh sản.
- d. Cơ thể phát triển nhanh.

44. Chọn một câu xác định tuổi trung bình của thời kỳ dậy thì

- a. Từ 12 đến 15 tuổi.
- b. Từ 12 đến 16 tuổi.
- c. Từ 11 đến 15 tuổi.
- d. Từ 11 đến 16 tuổi.

45. Tuổi dậy thì, nếu trẻ biết quá rõ về SKSS có thể dẫn đến:

- a. Hoạt động tình dục sớm
- b. Hoạt động tình dục không an toàn
- c. Tự bảo vệ SKSS
- d. Chỉ câu a/b đúng

46. Khi có kinh, cần hướng dẫn thay băng vệ sinh tối thiểu:

- a. 6 giờ/lần
- b. 8 giờ/lần
- c. 10 giờ/lần
- d. 12 giờ/lần

47. Tổng lượng máu mất trung bình trong mỗi kỳ kinh khoảng:

- a. Từ 30ml – 50ml
- b. Từ 50ml – 100ml
- c. Từ 100ml – 150ml
- d. Cả a,b,c đều đúng

48. Sự thay đổi về thể chất ở nữ bắt đầu từ

- A. 8 – 13 tuổi
- B. 10 – 12 tuổi
- C. 12 – 15 tuổi
- D. 13 – 17 tuổi
- E. 15 – 17 tuổi

49. Sự thay đổi thể chất ở nam bắt đầu từ

- A. 8 – 13 tuổi
- B. 10 – 15 tuổi
- C. 12 – 15 tuổi
- D. 15 – 17 tuổi
- E. 15 – 18 tuổi

50. Nguyên nhân nào sau đây có thể gây dậy thì muộn ?

- a) Hội chứng Turner.
- b) Tổn thương buồng trứng sau điều trị tia xạ.
- c) Yếu tố gia đình (di truyền).
- d) Bệnh lý mãn tính.
- e) Tất cả các nguyên nhân trên đều có thể gây dậy thì muộn.